

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Đặng Văn Hậu**

2/ Bà **Chấp Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Thiện Khiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Hoàng Gi**, sinh năm 1989. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Thùy Hồng Nh**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hoàng Gi trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nh kết hôn vào ngày 24/10/2009, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì chị Nh có quan hệ với người đồng nghiệp, anh đã khuyên ngăn để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng chị Nh vẫn không thay đổi từ đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ngày

24/01/2019 anh có bàn với chị Nh sống ly thân nhưng chị Nh không đồng ý và có viết 01 tờ giấy ly hôn với anh, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nh.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 26/6/2010 và Nguyễn Trọng Qu, sinh ngày 25/9/2014 hiện đang sống chung với anh. Anh xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung có 02 chiếc xe máy (01 chiếc RSX và 01 chiếc NOVO LX), vợ anh quản lý Xe NOVO LX, anh quản lý xe RSX. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 26/3/2019, người làm chứng bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Gi, giữa anh Gi và chị Nh thành hôn do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn thì vợ chồng anh Gi cùng đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2014 khi chị Nh sinh đứa con thứ hai thì vợ chồng anh Gi về quê sống chung với gia đình bà. Khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng anh Gi đi làm lại ở Thành phố thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị Nh bỏ nhà trọ đi và bỏ con lại cho anh Gi nuôi dưỡng, từ khi đi đến nay thì chị Nh không có về thăm con lần nào. Vợ chồng anh Gi ly thân khoảng hơn 02 tháng nay. Về con chung thì vợ chồng anh Gi có 02 đứa con là Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 26/6/2010 và Nguyễn Trọng Qu, sinh ngày 25/9/2014 hiện đang sống với anh Gi và gia đình bà, 02 cháu phát triển bình thường, anh Gi đảm bảo điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nh. Về con chung xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt (không lý do), người làm chứng vắng mặt (có ý kiến xin vắng mặt).

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hoàng Gi, xử cho anh Gi

ly hôn với chị Phạm Thùy Hồng Nh. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 26/6/2010 và Nguyễn Trọng Qu, sinh ngày 25/9/2014 cho anh Nguyễn Văn Hoàng Gi tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thùy Hồng Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Hoàng Gi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với chị Phạm Thùy Hồng Nh cư trú tại ấp M, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn chị Phạm Thùy Hồng Nh được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Nga đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn Hoàng Gi và chị Phạm Thùy Hồng Nh thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113 vào ngày 28/10/2009 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh Gi và chị Nh là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Gi và chị Nh thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do anh Gi ghen tuông nghi kỵ chị Nh có quan hệ với người đàn ông khác, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc theo như lời trình bày của nguyên đơn cũng như lời trình bày của người làm chứng bà Nga và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 2018 đến nay không ai

tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị Nh vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh Gi và chị Nh không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh Gi là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 26/6/2010 và Nguyễn Trọng Qu, sinh ngày 25/9/2014 hiện đang sống trực tiếp với anh Gi, cuộc sống cũng đảm bảo và cháu N cũng có nguyện vọng sống chung với anh Gi. Anh Gi yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho anh Gi tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Hoàng Gi không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Hoàng Gi phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hoàng Gi. Xử cho anh Gi ly hôn với chị Phạm Thùy Hồng Nh.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 26/6/2010 và Nguyễn Trọng Qu, sinh ngày 25/9/2014 cho anh Nguyễn Văn Hoàng Gi tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thùy Hồng Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Anh Nguyễn Văn Hoàng Gi không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn Hoàng Gi nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Gi đã nộp theo biên lai thu số 0015119 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Anh Gi đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Tr;
 - THADS huyện Tr;
 - UBND xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 28/10/2009);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An